TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 18 và 24-6-2019
"V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG A

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Minh Tấn
Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên

Trong các ngày 18 và 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2015/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2015 về tranh chấp chia di sản thừa kế (Thụ lý bổ sung các ngày: ngày 06 tháng 01 năm 2016 và ngày 05 tháng 9 năm 2017, ngày 20 tháng 10 năm 2017 về bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; ngày 14 tháng 11 năm 2017 về yêu cầu yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ngày 20 tháng 10 năm 2017 về bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng; ngày 01 tháng 02 năm 2018 về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn N; sinh năm 1960
Địa chỉ: ấp Tây N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A.
Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967; Địa chỉ: số 84 Lê Hữu N, phường 4, thành phố Tân A, tỉnh Long A (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Mười B, sinh năm 1978

Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: ấp Tây B, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp Bình Đ, xã Bình P, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang

2. Bà Nguyễn Thị M H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Vĩnh B, xã Vĩnh K, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang

3. Bà Trương Thị H, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp Mỹ Tr, xã Mỹ H, huyện Châu Th, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H, bà Trương Thị H: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967. Địa chỉ: số 84 Lê Hữu N, phường 4, thành phố Tân A, tỉnh Long A (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp 6, xã Tân B, huyện Cai L, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp Tây N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1924

Địa chỉ: ấp Tây N, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A;

Ông V đã chết năm 2016, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V:

+ Ông Nguyễn Văn Mười B (đồng thời là bị đơn trong vụ án);

+ Bà Nguyễn Thị M (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án);

+ Bà Nguyễn Thị M H (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án);

+ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955. Địa chỉ: ấp 5, xã Tân B, thị xã Cai L, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

7. Ủy ban nhân dân huyện Tân T

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Agribank Tân T

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Tân T (có mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Việt Tr

Cùng địa chỉ: ấp Tây B, xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A
(vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N trình bày: Cha ông N là ông Nguyễn Văn V sinh năm 1924, mẹ ông N là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934 chết ngày 14/10/2010 cha mẹ ông N gồm có các người con chung là ông Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn Mười B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M H. Bà Mcòn có một người con riêng là bà Trương Thị H.

Ông V có một người con riêng tên Nguyễn Thị Đ, địa chỉ tại ấp 5, xã Tân B, huyện Cai L, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình chung sống ông V và Bà M có tài sản chung là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H do ông V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa 673, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H do Bà M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2010 Bà M chết không để lại di chúc. Sau khi Bà Mchết, ông V tự ý chuyển quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph nhưng không có ý kiến của ông N cũng như các người con khác của Bà Mvà ông V. Vì vậy,ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn V với ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Tân T cấp cho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph đối với các thửa đất 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A có tổng diện tích là 10.793m^2.

- Yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật các thửa 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A có tổng diện tích là 10.793m^2 và thửa đất 637 có diện tích 4.290m^2. Yêu cầu chia cho ông N một kỷ phần thừa kế diện tích đất là 1.200m^2. Ông N xin nhận giá trị, không nhận hiện vật.

Đối với thửa 744 do ông Mười B quản lý, sử dụng cùng với di sản nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai ông N không có tranh chấp.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph trình bày**:

Cha của ông Nguyễn Văn Mười B là ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1924, mẹ của ông là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934. Trong thời gian chung sống, ông V và Bà Mcó 04 người con chung là Nguyễn Văn Mười B, Nguyễn Thị M, Nguyễn

Thị M H, Nguyễn Thị Út M. Bà Út M được cha mẹ cho người khác làm con nuôi từ lúc còn nhỏ.

Ông Nguyễn Văn N và bà Trương Thị H là anh chị em cùng mẹ khác cha với ông Mười B. Năm 2010, bà Nguyễn Thị M chết. Ngày 14/3/2011, ông V đồng ý tặng cho quyền sử dụng đất các thửa 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A cho ông Mười B và bà Ph. Ông Mười B và bà Ph đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2011 và đã trực tiếp sử dụng khai phá tràm làm ruộng cho đến nay.

Trong thời gian sử dụng đất, ông Mười B và bà Ph đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền tại Ngân hàng Nông ngH và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tân T. Ngoài ra, ông Mười B và bà Ph đã chuyển nhượng một phần các thửa nêu trên cho bà Nguyễn Thị Ph và bà Nguyễn Thị M.

Ông Mười B và bà Ph không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất với các lý do: ông Mười B và bà Ph đã được ông Nguyễn Văn V cho đất hợp pháp; đồng thời, khi cha mẹ còn sống đã có chia đất cho ông N và cho đất Bà MMột, Bà MH. Sau đó, Bà M Mvà Bà M H đã bán lại cho ông Mười B và bà Ph nhưng do là chị em trong nhà nên khi bán đất không có làm giấy tờ. Trong quá trình giải quyếtvụ án, ông Mười B và bà Ph chỉ đồng ý một chia phần đất có diện tích 4.665m^2 thửa 673 mà bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia 06 phần cho các anh chị em gồm: ông Mười B, ông N, Bà MMột, Bà MH, bà Út M, bà H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 673 do Bà Mđứng tên hiện do ông Mười B đang giữ.

+ Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M H, bà Trương Thị H trình bày:

Bà MMột, Bà MH, bà H là đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M H, bà Trương Thị H có yêu cầu độc lập là: yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Tân T cấp cho ông Nguyễn Văn Mười B đối với các thửa đất 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A có tổng diện tích là 10.793m^2 , đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật các thửa 740, 741, 742, 828, 829 cùng tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại xã Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A có tổng diện tích là 10.793m^2 và thửa đất 637 có diện tích 4.290m^2 . Yêu cầu chia cho bà Một, Bà MH, bà H mỗi người một kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất diện tích là 1.200m^2 và yêu cầu nhận giá trị. Bà Một, Bà MH, bà H cũng không có tranh chấp yêu cầu chia đối với thửa 744 chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ do ông Mười B quản lý, sử dụng.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Tân T có ý kiến:

Vào năm 2011, ông Nguyễn Văn V lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph. Hợp đồng được UBND xã Tân H chứng thực số 85 ngày 14/3/2011, gồm 5 thửa:

-Thửa 828, tờ bản đồ số 6, diện tích 728m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn (Giấy chứng nhận số BE 398388, số vào sổ CH 00054 do UBND huyện cấp ngày 08/4/2011).

- Thửa 742, tờ bản đồ số 6, diện tích 4078m^2, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước (Giấy chứng nhận số BE 398387, số vào sổ CH 00053 do UBND huyện cấp ngày 08/4/2011).

- Thửa 740, tờ bản đồ số 6, diện tích 1304m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác (Giấy chứng nhận số BE 398385, số vào sổ CH 00051 do UBND huyện câp ngày 08/4/2011).

- Thửa 829, tờ bản đồ số 6, diện tích 274m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác (Giấy chứng nhận số BE 398389, số vào sổ CH 00055 do UBND huyện cấp ngày 08/4/2011).

- Thửa 741, tờ bản đồ số 6, diện tích 4409m^2, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước (Giấy chứng nhận số BE 32838, số vào sổ CH 00052 do UBND huyện cấp ngày 08/4/2011).

Quy trình thực hiện thủ tục tặng cho của ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Văn Mười B, bà Nguyễn Thị Ph là đúng theo quy trình thực hiện cơ chê một cửa, cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện (Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 06/01/2011 của UBND huyện). Tuy nhiên, về tính pháp lý của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất chưa đúng theo quy định của pháp luật vì tại thời điểm ông V lập hợp đồng tặng cho, vợ ông Nguyễn Văn V là bà Nguyễn Thị M đã chết. Căn cứ tục thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thì UBND xã phải lập thủ tục thừa kế trước do đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị M.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Tân T có ý kiến:

Ngày 21 tháng 12 năm 2016, ông Nguyễn Văn Mười B đã ký hợp đồng tín dụng số 6007LAV201608363 để thực hiện Ph án sản xuất lúa, chăn nuôi, tiêu dùng cá nhân, số tiền ông Mười B và bà Ph vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất vay 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, hạn trả cuối cùng là ngày 22/12/2017. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo các giấy chứng nhận QSDĐ số BE 398386, BE 398387, BE 398388 do UBND huyện Tân T cấp ngày 08/04/2011, vào sổ cấp số CH 00052; CH00053; CH 00054; thửa đất số 741,742, 828, tờ bản đồ số 6, diện tích 7.909m^2, trong đó đất ở tại nông thôn 728 m^2; đất trồng lúa 7.18l m^2; địa chỉ thửa đất tại ấp Tây B, xã

Tân H, huyện Tân T, tỉnh Long A do ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph đứng tên.

Ngày 22/12/2017, ông Nguyễn Văn Mười B đã vi phạm hợp đồng vay do không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Ngân hàng Agribank Chi nhánh Huyện Tân T, tỉnh Long A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc (ông): Nguyễn Văn Mười B bà Nguyễn Thị Ph hoàn trả cho Ngân hàng Agribank Chi nhánh Huyện Tân T Long A số tiền vay gốc 100.000.000đ, lãi tính tới ngày 30/01/2018 là 11.797.945đ. Tổng cộng gốc và lãi là 111.797.945đ (Một trăm mười một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Yêu cầu bảo thủ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để đảm bảo thu hồi nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Nguyễn Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (bà Trương Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị M H) có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập như sau:

+ Rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn V với ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph và rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph được UBND huyện Tân T cấp.

+ Hiện nay xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị M để lại gồm ½ quyền sử dụng đất các thửa 740, 741, 742, 828, 829, 637 cùng tờ bản đồ số 6 theo quy định của pháp luật. Cụ thể, ông N, bà H, bà Một, Bà MH yêu cầu được hưởng thừa kế 01 kỷ phần và nhận bằng tiền tương đương diện tích đất 1000m^2 tính theo giá đất lúa. Đồng ý tính diện tích đất thực tế để làm căn cứ giải quyết vụ án. Về việc tính công sức, chi phí nuôi dưỡng Bà Mcũng như công sức quản lý, giữ gìn tài sản cho ông Mười B và bà Ph, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật do ông N, ông V cùng với ông Mười B, bà Ph cùng chăm sóc Bà Mkhi bệnh, không phải chỉ có ông Mười B và bà Ph; về đất, ông Mười B và bà Ph không có khai phá mà do ông N và ông V, Bà Mkhai phá từ khi ông Mười B còn nhỏ, ông Mười B và bà Ph chỉ mới quản lý sử dụng đất thời gian gần đây và cũng đã có hưởng huê lợi.

- Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Tân T yêu cầu ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph trả lại tiền đã vay nợ gốc 100.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 18/6/2019 là 32.763.889đồng (lãi trong hạn 25.222.222đ, lãi quá hạn 7.541.667đ). Tổng cộng gốc và lãi là 132.763.889đ đồng. Ngoài ra, ông Mười B và bà Ph phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 18/6/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân T phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử.

+ Về Thẩm phán*:* Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, việc thụ lý, xác định tư cách đương sự của Tòa án đúng quy định của pháp luật.

Về việc thu thập chứng cứ, thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của pháp luật.

+ Về Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa, HĐXX đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, các thành viên HĐXX đảm bảo so với QDĐVARXX, thủ tục bắt đầu phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Việc hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 73 của Bộ luật TTDS.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật TTDS.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 166, 468, 651, 652, 653 Bộ luật Dân sự;

Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Tân T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng", "Tranh chấp thừa kế tài sản", "yêu cầu hủy quyết định cá biệt" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo khoản 3, 5 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị M chết ngày 14/10/2010, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Về xác định đương sự trong vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất việc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn V còn có 01 người con chung là Nguyễn Thị Út M nhưng được cho làm con nuôi từ nhỏ. Tuy nhiên, hiện nay các anh chị em chỉ biết bà Mơ ở tỉnh Đồng Tháp chứ không

biết địa chỉ cụ thể của bà Út M ở đâu và cũng không có liên lạc được với bà Út M. Do đó, Tòa án không thể thông báo thụ lý bổ sung đưa bà Nguyễn Thị Út M vào tham gia tố tụng trong vụ án. Để đảm bảo quyền lợi cho bà Út M cũng là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Mười, trong trường hợp chia di sản của Bà Mtheo pháp luật sẽ chia 1 kỷ phần cho bà Út M và giao ông Mười B và bà Ph tiếp tục quản lý. Dành quyền khởi kiện cho bà Út M trong vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

+ Về việc nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi yêu cầu khởi kiện và rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ và hủy giấy chứng nhận QSDĐ là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ.

+ Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: bị đơn vắng mặt không phải vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân huyện Tân T, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Việt Tr vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đủ điều kiện xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp yêu cầu chia thừa kế của các đương sự:

- Về hàng thừa kế: Bà Nguyễn Thị M chết năm 2010, là thời điểm mở thừa kế. Theo tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp cũng như sự thống nhất của tất cả các đương, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của Bà Mgồm 07 người: ông Nguyễn Văn V (chồng bà Mười), các con là ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn Mười B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M Mười H, bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị Út M. Trong đó, bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn N là con riêng của bà Mười. Ông V có con riêng là bà Nguyễn Thị Đ. Ông V chết năm 2016, là thời điểm mở thừa kế. Hàng thừa kế thứ nhất của ông V gồm ông Nguyễn Văn Mười B, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H, bà Nguyễn Thị Út M, bà Nguyễn Thị Đ. Tuy nhiên, tại thời điểm ông V chết việc giải quyết thừa kế di sản của Bà Mchưa thực hiện xong nên vẫn chia phần ông V được hưởng di sản của bà Mười. Các đương sự không yêu cầu chia di sản của ông V nên không đề cập. Phần ông V được hưởng giao cho người đang quản lý di sản là ông Mười B và bà Nguyễn Thị Ph tiếp tục quản lý. Dành quyền quyền khởi kiện chia di sản của ông V trong vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

- Về tài sản là di sản của bà Nguyễn Thị M:

Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn V chung sống với nhau từ năm 1972, là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, tài sản chung của Bà Mvà ông V gồm quyền sử dụng đất các thửa đất 740, 741, 742, 828, 822 tờ bản đồ số 6 do ông Nguyễn Văn V đứng tên theo giấy CNQSDĐ số M 632941 vào sổ cấp giấy số 1821/QSDĐ 1013-LA cấp ngày 16/5/1998 diện tích 10.793m^2 và thửa 637 tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy

CNQSDĐ số 557782 vào sổ cấp giấy năm 2005 do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Kiểng năm 1996 diện tích 4.290m^2.

Năm 2010, Bà Mchết, ½ tài sản trong khối tài sản chung của ông V với Bà Mlà của bà Mười. Ông V lập thủ tục tặng cho QSDĐ toàn bộ các thửa 740, 741, 742, 828, 822 là tài sản chung của ông V và Bà Mcho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph, hợp đồng tặng cho lập tại UBND xã Tân H nhưng không được sự đồng ý của tất cả các đồng thừa kế của Bà Mlà chưa đúng quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn V chỉ được quyền tặng cho phần tài sản của ông V là ½ các thửa thửa đất trên. Tại Công văn số 808/UBND-NC ngày 28/7/2015 của UBND huyện Tân T cũng đã xác định hợp đồng, tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông V với ông Mười B và bà Ph được UBND xã Tân H chứng thực số 85 ngày 14/3/2011 là chưa đúng theo quy định của pháp luật do UBND xã chưa lập thủ tục thừa kế di sản của Bà Mtheo quy định tại Điều 633 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Chính vì vậy, việc cấp giấy CNQSDĐ cho ông Mười B và bà Ph (đối với các giấy CNQSDĐ số BE 398386, vào sổ cấp giấy số CH 00052 thửa 741 , BE 398387 vào sổ cấp giấy số CH 00053 thửa 742; BE 398388 vào sổ cấp giấy số CH 00054 thửa 828; BE 398389 vào sổ cấp giấy số CH 00055 thửa 829; BE 398385 vào sổ cấp giấy số CH 00051 thửa 740 do UBND huyện Tân T cấp ngày 08/04/2011 là chưa đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có QL,NVLQ thay đổi yêu cầu khởi kiện là chia giá trị QSDĐ, không yêu cầu chia hiện vật đồng thời rút yêu cầu về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ và hủy giấy CNQSDD nên vẫn giữ nguyên hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông V với ông Mười B, bà Ph và giữ nguyên các giấy CNQSDĐ do ông Mười B và bà Ph đứng tên. Việc ông Mười B và bà Ph chuyển nhượng 1 phần các thửa 828, 741, thửa 740 vẫn trong phạm vi ½ tài sản của ông V cho ông Mười B và bà Ph. Bà Ph và bà M nhận chuyển nhượng QSDĐ ngay tình, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vẫn được công nhận hợp đồng chuyển nhượng là hợp pháp.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các thửa đất 740, 741, 742, 288, 829, 637 có tổng diện tích là 15.083m^2. Tại Mảnh Trích đo Bản đồ địa chính của Công ty Ty TNHH dịch vụ và đo đạc Thành Tín được duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất tai tại huyện Tân T thể hiện tổng diện tích đất là 15.283m^2, giá trị theo chứng thư thẩm định giá là 1.571.467.000đ (Một tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Tuy nhiên, diện tích đo đạc theo Trích đo là tổng diện tích của tất cả phần đất do ông Mười B đứng tên, đang quản lý sử dụng, đất đã được ông Mười B, bà Ph chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị M và phần đất thửa 744 chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Tuy nhiên, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không tranh chấp thửa 744 chưa được cấp giấy CNQSDĐ cho ai và đồng ý tính diện tích đất thực tế để làm căn cứ giải quyết vụ án do có 1 phần thửa 829, 741, 742 giảm

diện tích trên thực tế do thỏa thuận ranh với bà Đặng Thị Kim Hoa, chủ đất giáp ranh. Cụ thể một phần các thửa 829, 741, 742 bà Hoa đang sử dụng nhưng ông Mười B đứng tên. Do đó, để xác định diện tích thực tế còn lại là di sản của bà Mười, cần trừ lại diện tích phần chưa được cấp giấy và sai ranh. Cụ thể diện tích thửa 744 chưa được cấp giấy CNQSDĐ là 926m^2. Diện tích sai ranh thửa 742 là 192m^2, thửa 741 là 308m^2, thửa 829 là 78m^2. Tổng diện tích thực tế QSDĐ là tài sản chung của ông V và Bà Mcòn lại là 13.779m^2. Giá trị tài sản tính theo giá QSDĐ từng loại đất tại chứng thư thẩm định giá của công ty Cổ phần Thông tin và thẩm định giá Miền Nam là 1.430.091.000đ. Di sản của Bà Mlà ½ số tài sản trên có diện tích là 6.889,5m^2, giá trị là 715.045.500đ.

- Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn và người CQL,NVLQ có yêu cầu độc lập yêu cầu chia mỗi người một kỷ phần bằng 1200m^2, tại phiên tòa có thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chia kỷ phần bằng 1000m^2 và nhận bằng tiền tương đương giá trị đất lúa là 94.000đ/m^2.

Bị đơn ông Mười B và bà Ph không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, chỉ đồng ý chia QSDĐ thửa 673 do Bà Mđứng tên với các lý do: ông Mười B và bà Ph đã được ông V tặng cho QSDĐ hợp pháp và đã được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ và sử dụng đất; ông bà đã khai phá đất tràm để trồng lúa, đã nuôi cha mẹ khi già yếu, bệnh. Ngoài ra, ông Mười B và bà Ph còn trình bày ông V, Bà Mđã cho đất bà Một, Bà MH nhưng đã bán lại cho ông nhưng ông không có chứng cứ chứng minh mặc dù Tòa án đã nhiều lần giao thông báo yêu cầu ông Mười B và bà Ph cung cấp nên không có cơ sở chấp nhận trình bày này của ông Mười B và bà Ph. Mặc dù ông Mười B và bà Ph không yêu cầu cụ thể chia di sản cũng như không yêu cầu tính công sức chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc, điều trị bệnh Bà Mcũng như chi phí giữ gìn, nâng cao giá trị tài sản là di sản. Tuy nhiên, căn cứ theo Án lệ số 05/2016 về vụ án "Tranh chấp chia di sản thừa kế" được Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao thông qua ngày 06/4/2016 (được Công bố theo Quyết định số 220QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án TANDTC) thì việc ông Mười B và bà Ph không đồng ý chia di sản là cao hơn yêu cầu về công sức và chi phí. Do đó, khi di sản của Bà Mđược chia theo pháp luật cần tính công sức, chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản và công sức quản lý, giữ gìn di sản cho ông Mười B và bà Ph.

Về cách tính công sức, chi phí cho ông Mười và bà Ph, các đương sự đều trình bày thống nhất khi Bà Mcòn sống, Bà Msống chung với ông Mười B, bà Ph và ông V. Trước khi chết Bà Mbị bệnh tai biến nằM Mchỗ khoảng hai năm nên trong thời gian già yếu, bệnh cần có người chăm sóc, ông Mười B và bà Ph cũng có công sức chăm sóc và bỏ chi phí điều trị cho bà Mười. Tuy nhiên, về chứng cứ cụ thể để xác định công sức, chi phí bao nhiêu ông Mười B và bà Ph không cung

cấp được. Do đó, cần tính chung một khoản chi phí hợp lý cho ông Mười B và bà Ph về công sức, chi phí nuôi dưỡng Bà Mtrước khi chia thừa kế.

Về công sức quản lý, giữ gìn di sản: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người CQL,NVLQ có yêu cầu độc lập yêu cầu tính công sức, chi phí cho ông Mười B và bà Ph theo quy định pháp luật vì ông N, ông V cùng chăm sóc Bà Mkhi bệnh; ông Mười B chỉ sử dụng đất chứ không có khai phá đất, đất do ông V và ông Nam khai phá lúc ông Mười B còn nhỏ, khi ông Mười B sử dụng đất thì đất đã thành thuộc như hôm nay, ông Mười B sử dụng đất đã có thu huê lợi trên đất. Thấy rằng, ông Mười B và bà Ph cùng sống chung cha mẹ nên đã trực tiếp quản lý, canh tác đất của ông V, Bà Mtrong thời gian hai cụ già, bệnh không lao động. Sau khi Bà Mchết năm 2010, đến năm 2016 ông V cũng mất, ông Mười B, bà Ph đã quản lý tài sản cho đến nay. Trong thời gian đó ông Mười B, bà Ph đã có thu huê lợi từ việc sử dụng đất nhưng cũng đã có công sức trong việc quản lý, tôn tạo, giữ gìn, nâng cao giá trị đất như hiện nay. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc tính công sức cho người quản lý di sản cũng không có chứng cứ để chứng minh về mức cụ thể. Căn cứ quy định Bộ luật dân sự, cần áp dụng quy định pháp luật để tính công sức, chi phí hợp lý cho người quản lý di sản. Ngoài ra, ông Mười B đang thờ cúng Bà Mnên cũng cần xem xét để trích chung cho ông một phần trước khi chia thừa kế. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông Mười B và bà Ph, cần tính cho ông Mười B và bà Ph công sức, chi phí đã nuôi dưỡng người để lại di sản; công sức, chi phí quản lý, tôn tạo, giữ gìn di sản, chi phí thờ cúng tương đương một kỷ phần thừa kế trước khi chia thừa kế.

-Về diện thừa kế, kỷ phần thừa kế:

Di sản của Bà Mdiện tích thực tế còn lại là 6.889,5m^2, giá trị là 715.045.500đ. Bà Mchết không có di chúc nên được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của Bà Mgồm 07 người, di sản được chia 07 kỷ phần. Mỗi kỷ phần bằng 984,21m^2, trị giá mỗi kỷ phần là 715.045.500đ: 7 = 102.149.357đ.

Ông Mười B và bà Ph được nhận một kỷ phần thừa kế để tính công sức, chi phí đã nuôi dưỡng người để di sản; công sức, chi phí quản lý, giữ gìn di sản, thờ cúng nên được nhận QSDĐ diện tích 984,21m^2, giá trị 102.149.357đ.

Di sản còn lại là 5.905,29m^2, giá trị là 612.896.143đ sẽ được chia theo pháp luật. Mỗi kỷ phần là 843,61m^2 (chia 07 phần), có giá trị 87.556.591đ. Do mỗi kỷ phần thừa kế của Bà Mdiện tích 843,61m^2, nếu chia hiện vật sẽ manh mún, không thuận lợi trong sản xuất nông ngH nên yêu cầu chia giá trị của đương sự có cơ sở chấp nhận. Ông Mười B đang quản lý, sử dụng đất và đã đứng tên trên giấy CNQSDĐ (trừ thửa 673 Bà Mcòn đứng tên) nên có nghĩa vụ trả giá trị QSDĐ tương đương một kỷ phần cho các đồng thừa kế khác. Ông N, bà H, bà Một, Bà MH, ông Mười B, bà Út M, ông V mỗi người được nhận 01 kỷ phần có giá trị là 87.556.591đ, tổng cộng số tiền là 350.226.364đ. Giá trị phần tiền giao cho ông N, bà H, bà Một, Bà MH vẫn thấp hơn giá trị phần đất thửa 673 do Bà Mđứng tên,

ông Mười B đang quản lý, sử dụng và đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ của bà Mười. Do đó, ông Mười B có nghĩa vụ trả tiền cho ông N, bà H, bà Một, Bà MH phần mỗi người là 87.556.591đ. Ông Mười B thực hiện xong nghĩa vụ có quyền đăng ký chuyển quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ do được nhận thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Út M mỗi người được hưởng QSDĐ tương đương giá trị là 87.556.659đ, giao cho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph tiếp tục quản lý sử dụng. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác.

Về việc ông Mười B và bà Ph cùng đứng tên trên các giấy chứng nhận QSDĐ các thửa 741, 742, 828, 829, 740 (thửa 740 đã chuyển nhượng nguyên thửa cho bà Nguyễn Thị M), trong đó gồm ½ quyền sử dụng đất là tài sản của ông V tặng ông Mười B và bà Ph, ½ quyền sử dụng đất còn lại là di sản thừa kế của bà Mười. Ông Mười Ba và bà Ph không có yêu cầu gì về việc xác định phần được tặng cho chung, phần được trích riêng 01 kỷ phần thừa kế trước khi chia thừa kế theo pháp luật, phần ông Mười B được thừa kế riêng nên không đề cập.

Về Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Việt Tr ở trên 1 phần thửa 829, do hiện nay các đương sự yêu cầu chia giá trị, không chia hiện vật và được chấp nhận. Bà Th và ông Tr đồng ý trả lại đất sau khi Tòa án giải quyết vụ án nên ghi nhận. Nếu sau này không thực hiện và có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác khi có yêu cầu của đương sự.

[3] Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T:

Việc ông Mười B và bà Ph vay tiền của Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T, chỉ tín chấp giấy chứng nhận QSDĐ các thửa 228, 741, 742 cho để vay số tiền 100.000.000đ. Hợp đồng tín dụng được thực hiện sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án. Giấy đề nghị vay vốn được UBND xã Tân H xác nhận. Tại thời điểm vay Ngân hàng không biết quyền sử dụng đất có tranh chấp nên Ngân hàng là người thứ ba ngay tình. Hơn nữa, các đương sự chỉ tranh chấp phần di sản của bà Mười, giá trị hợp đồng vay thấp hơn phần giá trị QSDĐ mà ông V tặng cho ông Mười B và bà Ph. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc cầu ông Mười B và bà Ph trả tiền nợ gốc, lãi đã vay là có cơ sở chấp nhận. Do việc vay tiền không có đăng ký thế chấp, chỉ tín chấp giấy chứng nhận QSDĐ (do khoản vay dưới 100.000.000đ, sử dụng vào mục đích sản xuất nông ngH) nên không có cơ sở áp dụng biện pháp bảo đảm.

[4] Về án phí:

Các đương sự được hưởng di sản phải chịu án có phí giá ngạch đối với trị giá phần di sản được hưởng. Số tiền tạm ứng án phí các đương sự đã nộp được chuyển sang thành án phí.

Riêng bà Trương Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi theo Luật người cao tuổi, bà H có đơn đề nghị miễn án phí nên được chấp nhận miễn án phí. Bà H được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với phần quyền sử dụng đất ông Mười B và bà Ph được ông V tặng cho không có tranh chấp, ông Mười B và bà Ph không phải chịu án phí.

Ông Mười B và bà Ph phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông N tự nguyện chịu chi phí đo đạc nên không đề cập. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định số tiền là 9.600.000đ, các đương phải chịu tương ứng tỷ lệ giá trị phần di sản được hưởng. Ông N đã nộp tạm ứng chi phí nên các đương sự khác có nghĩa vụ giao trả lại cho ông N. Ông Mười B và bà Ph quản lý, sử dụng phần thừa kế của bà Nguyễn Thị Út M và của ông Nguyễn Văn V nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định tương ứng với tỷ lệ giá trị di sản được chia. Trong trường hợp bà Út M và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông V có tranh chấp phần thừa kế này thì ông Mười B có quyền yêu cầu thanh toán lại chi phí xem xét thẩm định, định giá mà ông Mười B và bà Ph đã hoàn trả cho ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 26; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điều 217, 218; 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 623, 618, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 167, 179 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và yêu cầu độc lập của bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn V với ông Nguyễn Văn Mười B, bà Nguyễn Thị Ph và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Mười B, bà Nguyễn Thị Ph. Các đương sự có quyền khởi kiện lại trong vụ kiện khác.

2. Về chia thừa kế:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và yêu cầu độc lập của bà Trương Thị H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H về việc chia thừa kế di sản của bà Nguyễn Thị M:

- Xác định quyền sử dụng đất các thửa 740, 741, 742, 828, 829 tờ bản đồ số 6 do ông Nguyễn Văn V đứng tên theo giấy CNQSDĐ số M 632941 vào sổ cấp giấy số 1821/QSDĐ 1013-LA cấp ngày 16/5/1998 và thửa 637 tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy CNQSDĐ số 557782 vào sổ cấp giấy CNQSDĐ năm 2005 tổng diện tích đo đạc thực tế 13.779m^2 là tài sản chung vợ chồng ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị M có giá trị là 1.430.091.000đ. Chia tài sản chung của ông V và Bà Mmỗi người ½, phần di sản thừa kế của mỗi người là 6.889,5m^2 có giá trị quyền sử dụng đất là 715.045.500đ (Bảy trăm mười lăm triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

- Không xem xét giải quyết đối với phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn V do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xác định thời điểm mở thừa kế của Bà Mlà năm 2010, di sản thừa kế của Bà Mđược chia theo pháp luật:

+ Ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph được chia công sức chăm sóc, nuôi dưỡng người để lại di sản; công sức, chi phí quản lý, giữ gìn nâng cao giá trị di sản và thờ cúng tương đương phần đất diện tích 984,21m^2, có giá trị 102.149.357đ (Một trăm lẻ hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng). Đất do ông Mười B và bà Ph quản lý và đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Ông Nguyễn Văn Mười B, ông Nguyễn Văn N, bà Trương H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H, bà Nguyễn Thị Út M, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V được hưởng 01 (một) kỷ phần thừa kế di sản của Bà Mcó giá trị 87.556.591đ (Tám mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi mốt đồng).

- Ông Nguyễn Văn Mười B được chia hiện vật là quyền sử dụng đất và đang quản lý, sử dụng đất nên có nghĩa vụ giao trả giá trị kỷ phần thừa kế mà ông Nguyễn Văn N, bà Trương H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H được hưởng mỗi người số tiền 87.556.591đ. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn Mười B phải giao trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Trương H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H là (87.556.591đ x 4) 350.226.364đ (Ba trăm năm mươi triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng).

- Giao kỷ phần thừa kế mà bà Nguyễn Thị Út M, ông Nguyễn Văn V được hưởng cho ông Mười B và bà Ph quản lý. Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Út M cùng những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn V trong vụ kiện khác nếu có tranh chấp.

- Ông Nguyễn Văn Mười B có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

đối với thửa 673, tờ bản đồ số 6 do bà Nguyễn Thị M đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện nghĩa vụ đối với ông Nguyễn Văn N, bà Trương H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H.

3. Về yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T. Buộc Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 18/6/2019 là 32.763.889đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 132.763.889đ đ (Một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T trả cho ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số BE 398386, vào sổ cấp giấy số CH 00052 thửa 741 , BE 398387 vào sổ cấp giấy số CH 00053 thửa 742; BE 398388 vào sổ cấp giấy số CH 00054 thửa 828 do UBND huyện Tân T cấp ngày 08/04/2011.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu phải 4.377.830đ đối với giá trị di sản được hưởng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ theo lai thu số 0008739 ngày 25/6/2015 và 900.000đ theo lai thu số 0008740 ngày 25/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T. Ông N phải nộp tiếp số tiền 3.277.830đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng).

- Bà Trương Thị H được miễn án phí do là người cao tuổi nên được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000đ theo biên lai thu số 0003684 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T.

- Bà Nguyễn Thị M phải phải chịu số tiền án phí là 4.377.830đ nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 1.050.000đ đồng theo biên lai thu số 0003683 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T; Bà Nguyễn Thị M còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.327.830 đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng).

- Bà Nguyễn Thị M H phải chịu số tiền án phí là 4.377.830đ nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí đã nộp là 1.050.000đ đồng theo biên lai thu số 0003682 ngày 14/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T; Bà Nguyễn Thị M H còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 3.327.830đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 5.107.468đ án phí (tính công sức và chi phí) và 6.638.194 đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ phải thực hiện đối với Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T. Ông Nguyễn Văn Mười B phải chịu 4.377.830đ án phí dân sự đối với giá trị di sản được hưởng.

5. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá:

Bà Trương H, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị M H mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 1.175.510đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm mười đồng).

Ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 3.722.449đ (Ba triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng). Ông Nguyễn Văn Mười B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 1.175.510đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm mười đồng).

6. Về nghĩa vụ chậm trả:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Riêng đối với khoản nợ ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán cho Ngân hàng Nông ngH và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Tân T, kể từ ngày tiếp theo của ngày 18/6/2019 (ngày mở phiên tòa), ông Nguyễn Văn Mười B và bà Nguyễn Thị Ph phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

7. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh Long A;*
- *VKS huyện Tân T;*
- *THA huyện Tân T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

Nguyễn Thị Ngọc Ánh